

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Điện lực Củ Chi</li> <li>- Địa chỉ: Số 396 Phan Văn Khải, ấp Tân Lập, xã Củ Chi, TP.HCM.</li> <li>- Mã số thuế: 030095 1119-009</li> <li>- Tài khoản: 116893499999 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Sài Gòn.</li> <li>- Điện thoại: 02822184444</li> <li>- Email: ThiNQ@hcmpc.com.vn</li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm: Gói thầu số 2026-XL-05: cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây lắp và mua bảo hiểm cho công trình “Sửa chữa lớn TSCĐ các trạm biến thế - hạng mục thay thiết bị đóng cắt hạ thế”, MCT: CCHD2605007.</p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Công trường tại: Phạm vi thực hiện công trình trên địa bàn các xã Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông và Bình Mỹ.</li> <li>- Được xác định trong hồ sơ PAKT-DT số 979/PAKT-QLLĐ ngày 15/12/2025.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	<p>Ngày hoàn thành là: 70 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 70 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	<p>Ngày khởi công là: Dự kiến tháng 03/2026.</p>
<b>E-ĐKC 1.19</b>	<p>Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
<b>E-ĐKC 1.29</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</li> <li>- Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</li> </ul>

*Uth*

<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ lục hợp đồng.</li> <li>- Các biểu mẫu hợp đồng thuộc Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.</li> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá trị hợp đồng.</li> <li>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</li> <li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 5% giá trị hợp đồng cho Bên A.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: <b>07 ngày</b> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> <li>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng;</p> <p>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích;</p> <p>+ Bên B vi phạm thỏa thuận tại mục 57 E-ĐKC hợp đồng.</p> <p>+ Nếu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Trường hợp dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng, dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</i>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>03 ngày</b> , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>03 ngày</b> , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>05 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>03 ngày</b> , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT.</i>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>1. Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>- Để tránh những rủi ro về trách nhiệm nghề nghiệp, Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định của pháp luật.</p>

Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của nhà thầu trong thời gian thi công xây dựng, phạm vi bảo hiểm bao gồm:

- + Mất mát hay hư hỏng đối với công trình, máy móc và vật liệu.
- + Mất mát hay hư hỏng đối với thiết bị.
- + Mất mát hay hư hỏng tài sản liên quan đến hợp đồng.
- + Người lao động thi công công trình bị thương hay tử nạn.
- + Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

- Thời gian bảo hiểm kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).

2. Nhà thầu còn phải mua bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng và lắp đặt công trình bằng tiền của chủ đầu với giá trị là: 3.807.504 đồng đồng đồng (*Bằng chữ: Ba triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm lẻ bốn đồng*) do Công ty Điện lực Củ Chi là đơn vị thụ hưởng. Thời gian bảo hiểm từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng cho công trình đảm bảo tính hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm trong liên tục không gián đoạn trong suốt quá trình thi công và bảo hành với phạm vi công việc như sau:

- Bảo hiểm xây lắp công trình kể từ thời điểm VTTB được đưa vào kết cấu công trình.

- Bên B phải cung cấp các tài liệu, hồ sơ pháp lý liên quan đến nhà thầu bảo hiểm và phải được bên A đồng ý bằng văn bản về các điều khoản bảo hiểm.

- Bên B làm việc với công ty bảo hiểm để làm các thủ tục yêu cầu bảo hiểm đúng theo như các quy định trong quy tắc bảo hiểm của nhà nước.

- Giá trị bảo hiểm công trình được tính trọn gói.

- Bên A thanh toán chi phí bảo hiểm cho bên B trên cơ sở chi phí bảo hiểm trọn gói nêu trên.

- Phí bảo hiểm thuần là giá trị mua bảo hiểm dựa trên giá trị hợp đồng xây lắp của công trình đã thực hiện giữa 02 bên.

- Ngay sau khi bên B ký hợp đồng xây lắp với bên A, bên B sẽ tiến hành ký hợp đồng bảo hiểm với đơn vị bảo hiểm và chuyển cho bên A 04 bản hợp đồng bảo hiểm công trình (bản chính) + Quy tắc bảo hiểm xây dựng.

- Các hợp đồng và chứng nhận bảo hiểm phải được nhà thầu đệ trình cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư đồng ý trước ngày khởi công. Tất cả các bảo hiểm như vậy phải được thanh toán bằng đồng Việt Nam.

*sl*

*thl*

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mọi thay đổi về các điều khoản bảo hiểm sẽ không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư.</li> <li>- Cả 02 bên phải tuân theo bất kỳ điều kiện nào của hợp đồng bảo hiểm.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình là 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Phạm vi thực hiện công trình trên địa bàn các xã Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông và Bình Mỹ.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Dự kiến chủ đầu tư sẽ bàn giao công trường cho Nhà thầu trúng thầu vào tháng 03 năm 2026.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày.</li> <li>- Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra trọng tài hoặc tòa án kinh tế TP.HCM để xử lý. Quyết định có hiệu lực của tòa án trên sẽ là cơ sở pháp lý cho hai bên thực hiện, bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí và bồi thường mọi chi phí thiệt hại liên quan cho bên kia.</li> </ul>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: Dự kiến tháng 03/2026.</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình theo hợp đồng là: Dự kiến tháng 06/2026.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 02 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Được tính từ ngày khởi công trong thông báo khởi công do bên A phát hành, sau khi hợp đồng được 02 bên ký kết, bên A đã cung cấp đủ các hồ sơ tài liệu liên quan.</li> <li>- Thời gian thực hiện hoàn tất công trình: 70 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình được phép khởi công sau khi có đầy đủ các thủ tục sau:</li> <li>+ Hợp đồng đã được hai bên ký kết và Bên A nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Bên B.</li> <li>+ Bên B phải cung cấp cho bên A phương án thi công đảm bảo mất điện ít nhất theo Hồ sơ dự thầu và đáp ứng được khối lượng thi công hoàn tất công trình đảm bảo tiến độ thi công, phải được bên A chấp thuận thông qua trước khi ra thông báo khởi công.</li> <li>+ Bên A ra thông báo khởi công công trình.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 0 VNĐ.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Không có
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu căn cứ bảng tiên lượng vật tư thiết bị chính của công trình đính kèm theo HSMT này cung cấp đầy đủ các biên bản thử nghiệm điển hình, nguồn gốc xuất xứ đối với chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị do nhà thầu cung cấp cho công trình (nếu có).
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
<b>E-ĐKC 41.1</b>	- Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>Tạm ứng thực hiện hợp đồng:</p> <p>1. Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên B được tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng trước thuế trong vòng 07 ngày khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy yêu cầu tạm ứng của Bên B.</li> <li>- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Bên B.</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng cho Bên A (<i>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành tương đương số tiền tạm ứng</i>).</li> <li>- Kế hoạch thi công chi tiết đã được Bên A thông qua.</li> <li>- Thông báo khởi công.</li> </ul>




- Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

2. Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay ở lần thanh toán đầu tiên.

- Tỷ lệ thu hồi là 100% nếu thanh toán đạt trên 50% giá hợp đồng;

- Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tiền tạm ứng.

- Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, thực hiện gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng và gia hạn bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng (nếu có) cho công trình đảm bảo tính hiệu lực của Hợp đồng được liên tục không gián đoạn trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình.

3. Thời gian tạm ứng: 07 ngày làm việc.

4. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

5. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:

(1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;

(2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng;

(3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán: Việc thanh toán cho Nhà thầu được áp dụng theo hình thức chuyển khoản 100%.</p> <p>Thời hạn và phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo từng giai đoạn, dựa trên cơ sở đơn giá trúng thầu và hồ sơ nghiệm thu của giai đoạn thanh toán. Lần thanh toán giai đoạn đầu tiên, nhà thầu phải thi công đạt tối thiểu <b>50%</b> giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến <b>90%</b> giá trị mỗi giai đoạn sau khi đã thu hồi vốn tạm ứng.</li> <li>- Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán - nghiệm thu giai đoạn hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra xem xét và gửi lên cơ quan quản lý cấp phát vốn thanh toán giai đoạn.</li> <li>- Chủ đầu tư thanh toán đến <b>95%</b> giá trị hoàn thành trong giai đoạn cuối (bao gồm phần đã tạm ứng và thanh toán giai đoạn) cho nhà thầu trong vòng <b>20 ngày</b> sau khi nhận đủ hồ sơ nghiệm thu và bảo đảm bảo hành công trình, đồng thời nhà thầu đã xử lý hoàn tất các tồn tại (nếu có) của công trình.</li> <li>- Giá trị thanh toán được tính theo giá trị hợp đồng cộng hoặc trừ giá trị phụ lục hợp đồng (cộng trong trường hợp phát sinh tăng, trừ trong trường hợp phát sinh giảm).</li> <li>- Hồ sơ thanh toán bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</li> <li>+ Biên bản xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành;</li> <li>+ Bảng quyết toán xây lắp hoàn thành;</li> <li>+ Đề nghị thanh toán;</li> <li>+ Hóa đơn giá trị gia tăng.</li> <li>+ 01 bản gốc Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng</li> </ul> </li> </ul>

	<p><b>5%</b> giá trị hợp đồng. Thời gian bảo hành công trình 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.</p> <p>- <u>Bảo lãnh bảo hành</u>: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.</p> <p>- <u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành</u>: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.</p> <p>+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>+ Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời gian bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <b>5%</b> giá trị xây lắp hoàn thành do hai Bên công nhận trong hồ sơ quyết toán của công trình để phục vụ cho công tác thẩm tra quyết toán công trình.</p>

<p><b>E-ĐKC 47.1(d)</b></p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>1. Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>2. Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và trường hợp bất khả kháng.</p>
<p><b>E-ĐKC 47.7</b></p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 49.1</b></p>	<p>Mức phạt:</p> <p>Theo các nội dung tại Điều 9 trong quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/09/2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công: phạt 02% giá trị hợp đồng vi phạm nhưng tối đa không quá 12%.</li> <li>- Giá trị phạt do sai sót về an lao động, vệ sinh môi trường lần thứ 1 phạt 2%, lần thứ 2 trở đi mỗi lần phạt 4% giá trị hợp đồng vi phạm nhưng tối đa không quá 12%.</li> <li>- Giá trị phạt do chậm tiến độ 1 tuần thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng vi phạm, mức phạt tối đa đến 12% sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng.</li> </ul> <p>Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 49.2</b></p>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định tại <b>E-ĐKC 49.1</b> như trên, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của nhà thầu theo các nội dung quy định tại <b>E-ĐKC 49.1</b> (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.</li> <li>- Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</li> <li>- Trong đó:</li> <li>+ Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục</li> </ul>

	<p>tất cả các hư hỏng, sự cố do nhà thầu gây ra, chi phí khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do nhà thầu gây ra. (<i>trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này</i>).</p> <p>+ Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</p>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Ngay sau ngày nghiệm thu bàn giao công trình cho chủ đầu tư (dự kiến cuối tháng 06/2026). Thời gian bảo hành công trình 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Ngay sau khi nhà thầu có văn bản thông báo thi công hoàn tất toàn công trình đề nghị chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu (dự kiến cuối tháng 06/2026).
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 5% giá trị hợp đồng của công trình để phục vụ cho công tác thẩm tra quyết toán công trình: 88.205.257 đồng
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong <b>10 ngày</b> , kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.



